

Mã đề thi: 101

- Câu 1: Ông A vận chuyển gia cầm bị bệnh, bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện và buộc phải tiêu hủy hết số gia cầm bị bệnh này. Đây là biện pháp chế tài
- A. Hành chính. B. Hình sự. C. Kỷ luật. D. Dân sự.
- Câu 2: Việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp phải có
- A. Ít nhất 1/2 tổng số đại biểu tán thành.
B. Ít nhất 1/3 tổng số đại biểu tán thành.
C. Ít nhất 3/4 tổng số đại biểu tán thành.
D. Ít nhất 2/3 tổng số đại biểu tán thành.
- Câu 3: Độ tuổi lao động và thực hiện giao kết hợp đồng lao động
- A. Đủ 17 tuổi. B. Đủ 15 tuổi. C. Đủ 16 tuổi. D. Đủ 18 tuổi.
- Câu 4: Đối tượng điều chỉnh của luật dân sự là
- A. Các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân.
B. Các quan hệ vật chất và quan hệ nhân thân.
C. Các quan hệ xã hội và quan hệ sở hữu.
D. Các quan hệ lao động và quan hệ sở hữu.
- Câu 5: Nội dung cơ bản của pháp luật bao gồm
- A. Quy định các bốn phạm của công dân.
B. Quy định các hành vi không được làm.
C. Các quy tắc xử sự (việc được làm, việc phải làm, việc không được làm).
D. Các chuẩn mực thuộc về đời sống tinh thần, tình cảm của con người.
- Câu 6: Quyền nào sau đây không phải quyền nhân thân?
- A. Quyền bí mật đời tư. B. Quyền được khai tử.
C. Quyền tự do kinh doanh. D. Quyền tố cáo.
- Câu 7: Tính giai cấp của pháp luật thể hiện ở chỗ
- A. Pháp luật thể hiện ý chí của giai cấp thống trị.
B. Pháp luật là sản phẩm của xã hội có giai cấp.
C. Pháp luật là công cụ để điều chỉnh các mối quan hệ giai cấp.
D. Pháp luật là tổ chức điều hòa mâu thuẫn giai cấp.
- Câu 8: Văn bản nào sau đây không phải là văn bản quy phạm pháp luật
- A. Luật tố tụng hình sự.
B. Luật giáo dục.
C. Văn bản xử lý vi phạm hành chính.
D. Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
- Câu 9: Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự chung mang tính (1) do (2) ban hành và bảo đảm thực hiện, thể hiện ý chí và bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị để điều chỉnh các (3).
- A. Bắt buộc chung - quốc hội - quan hệ xã hội.
B. Bắt buộc chung - nhà nước - quan hệ xã hội.
C. Bắt buộc - nhà nước - quan hệ pháp luật.

D. Bắt buộc - nhà nước - quan hệ xã hội.

Câu 10: Điền vào chỗ trống: Các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành (1) mà nhà nước là đại diện. (1) là

A. phù hợp với ý chí nguyện vọng của nhân dân.

B. phù hợp với ý chí của giai cấp cầm quyền.

C. phù hợp với mọi tầng lớp nhân dân.

D. phù hợp với các quy phạm đạo đức.

Câu 11: Lấy trộm tiền của người khác là hành vi

A. Vi phạm đạo đức và vi phạm pháp luật. B. Vi phạm pháp luật.

C. Vi phạm đạo đức và vi phạm dân sự. D. Vi phạm hành chính.

Câu 12: Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ có nghĩa là mọi công dân

A. Đều có quyền và nghĩa vụ giống nhau.

B. Đều có quyền như nhau.

C. Đều bình đẳng về quyền và làm nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

D. Đều có nghĩa vụ như nhau.

Câu 13: Cơ quan áp dụng chế tài dân sự

A. Công an nhân dân.

B. Tòa án nhân dân.

C. Viện kiểm sát nhân dân.

D. Ủy ban Nhân dân.

Câu 14: Vi phạm hành chính là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm tới

A. Các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân. B. Các quan hệ lao động, công vụ nhà nước.

C. Các quy tắc quản lý nhà nước.

D. Các quan hệ xã hội và quan hệ hôn nhân.

Câu 15: Các tổ chức cá nhân chủ động thực hiện nghĩa vụ (những việc phải làm) là

A. Thi hành pháp luật. B. Tuân thủ pháp luật. C. Sử dụng pháp luật. D. Áp dụng pháp luật.

Câu 16: Người phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm do mình gây ra có độ tuổi theo quy định của pháp luật là

A. Từ đủ 16 tuổi trở lên. B. Từ 18 tuổi trở lên. C. Từ đủ 14 tuổi trở lên. D. Từ đủ 18 tuổi trở lên.

Câu 17: Tổ chức duy nhất có quyền ban hành pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật là

A. Nhà nước.

B. Quốc hội.

C. Các cơ quan nhà nước.

D. Chính phủ.

Câu 18: Pháp luật có vai trò như thế nào đối với công dân?

A. Bảo vệ mọi nhu cầu của công dân.

B. Bảo vệ mọi lợi ích của công dân.

C. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

D. Bảo vệ quyền tự do tuyệt đối của công dân.

Câu 19: Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có nhiệm kỳ mấy năm?

A. 6 năm.

B. 4 năm.

C. 3 năm.

D. 5 năm.

Câu 20: Chủ thể của hình thức áp dụng pháp luật:

A. Các tổ chức.

B. Các cá nhân và tổ chức.

C. Các cá nhân.

D. Cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền.

Câu 21: Cơ sở để phân chia các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý

A. Căn cứ vào mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm gây ra.

B. Căn cứ vào đối tượng bị xâm phạm.

C. Căn cứ vào hậu quả của hành vi vi phạm gây ra.

D. Căn cứ vào đối tượng bị xâm phạm, tính chất, mức độ do hành vi vi phạm gây ra.

Câu 22: Ý kiến nào quan đây là sai

- A. Đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chịu trách nhiệm hình sự với tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng.
- B. Đủ 16 tuổi trở lên chịu trách nhiệm pháp lý với mọi loại tội phạm do mình gây ra.
- C. Người nào từ 6 tuổi đến dưới 18 tuổi khi tham gia giao dịch dân sự phải có người đại diện theo pháp luật đồng ý.
- D. Đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi trở lên sẽ chịu trách nhiệm hành chính với lỗi cố ý do mình gây ra.
- Câu 23: Pháp luật có đặc điểm là
- A. Bắt nguồn từ thực tiễn đời sống xã hội.
- B. Mang bản chất giai cấp và bản chất xã hội.
- C. Pháp luật có tính quy phạm phổ biến; mang tính quyền lực, bắt buộc chung; có tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.
- D. Vì sự phát triển của xã hội.
- Câu 24: Bất kỳ công dân nào vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình và bị xử lý theo quy định của pháp luật. Điều này thể hiện công dân bình đẳng về
- A. trách nhiệm pháp lý. B. trách nhiệm kinh tế.
- C. trách nhiệm xã hội. D. trách nhiệm chính trị.
- Câu 25: Vợ chồng bà Lan và ông Hà có một trai và một gái. Trước khi kết hôn, bà Lan có khối tài sản là 50 triệu. Sau khi kết hôn khối tài sản chung của vợ chồng bà là 100 triệu. Năm 2015 bà Lan bị bệnh mất và có để lại di chúc toàn bộ tài sản cho đứa con gái. Hỏi: giá trị tài sản mà bà Lan để lại cho đứa con gái của mình là bao nhiêu
- A. 100 triệu. B. 125 triệu. C. 50 triệu. D. 75 triệu.
- Câu 26: Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thể hiện ý chí của
- A. Giai cấp nông dân. B. Tất cả mọi người trong xã hội.
- C. Giai cấp công nhân và đa số nhân dân lao động. D. Giai cấp công nhân.
- Câu 27: Lịch sử xã hội loài người đã tồn tại (1) kiểu nhà nước, bao gồm các kiểu nhà nước là.
- A. 4 - phong kiến - chiếm hữu nô lệ - tư sản - XHCN.
- B. 4 - chiếm hữu nô lệ - phong kiến - tư hữu - XHCN.
- C. 4 - chiếm hữu nô lệ - phong kiến - tư bản - XHCN.
- D. 4 - nông nô, phong kiến - tư bản - XHCN.
- Câu 28: Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý là
- A. Công dân nào vi phạm pháp luật cũng bị xử lý theo quy định của pháp luật.
- B. Công dân nào vi phạm quy định của cơ quan, đơn vị, đều phải chịu trách nhiệm kỷ luật.
- C. Công dân nào do thiếu hiểu biết về pháp luật mà vi phạm pháp luật thì không phải chịu trách nhiệm pháp lý.
- D. Công dân ở bất kỳ độ tuổi nào vi phạm pháp luật đều bị xử lý như nhau.
- Câu 29: Nguyên nhân cốt lõi của sự ra đời nhà nước là
- A. Kết quả của 03 lần phân công lao động trong lịch sử.
- B. Nhu cầu về sự cần thiết phải có một tổ chức để dập tắt xung đột giai cấp.
- C. Kết quả của nền sản xuất hàng hoá cùng những hoạt động thương nghiệp.
- D. Nhu cầu về sự cần thiết phải có một tổ chức thay thế thị tộc - bộ lạc.
- Câu 30: Nhà nước là
- A. Một tổ chức xã hội có giai cấp.
- B. Một tổ chức xã hội có chủ quyền quốc gia.
- C. Một tổ chức xã hội dựa trên nền tảng đạo đức và phong tục, tập quán.
- D. Một tổ chức xã hội có luật lệ.
- Câu 31: Chủ thể của vi phạm hình sự

A. Cá nhân. B. Cơ quan, doanh nghiệp. C. Cá nhân và tổ chức. D. Tổ chức.

Câu 32: Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 ở điều 34 khẳng định chung “cha mẹ không được phân biệt đối xử giữa các con”. Điều này phù hợp với

A. Nguyên vọng của mọi công dân.

B. Hiến pháp.

C. Quy tắc xử sự trong đời sống xã hội. D. Chuẩn mực đời sống tình cảm, tinh thần của con người.

Câu 33: Hiến Pháp đầu tiên của nước Việt Nam ra đời năm nào?

A. Năm 1946.

B. Năm 1945.

C. Năm 1975.

D. Năm 1976.

Câu 34: Người nào tuy có điều kiện mà không cứu giúp người đang ở tình trạng nguy hiểm đến tánh mạng, dẫn đến hậu quả người đó chết thì

A. Vi phạm pháp luật hình sự.

B. Vi phạm pháp luật hành chính.

C. Bị xử phạt vi phạm hành chính.

D. Vi phạm hành chính và vi phạm hình sự.

Câu 35: Pháp luật là

A. Hệ thống các văn bản và nghị định do các cấp ban hành và thực hiện.

B. Những luật và điều luật cụ thể trong thực tế đời sống.

C. Hệ thống các quy tắc xử sự được hình thành theo điều kiện cụ thể của từng địa phương.

D. Hệ thống các quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành và được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước.

Câu 36: Một trong các đặc trưng cơ bản của pháp luật thể hiện ở

A. tính cơ bản.

B. tính quyền lực, bắt buộc chung.

C. tính hiện đại.

D. tính truyền thống.

Câu 37: Nhờ việc đưa đón em H (14 tuổi) đi học hằng ngày nên anh K (20 tuổi) dụ dỗ và có hành vi quan hệ tình dục với em H. Gia đình biết chuyện và kiện ra tòa. Hỏi: anh K sẽ bị khởi tố với tội danh nào

A. Tội giao cấu với trẻ em. B. Tội cưỡng dâm. C. Tội hiếp dâm

D. Tội hiếp dâm trẻ em.

Câu 38: Công dân bình đẳng trước pháp luật là

A. Công dân không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật.

B. Công dân có quyền và nghĩa vụ như nhau nếu cùng giới tính, dân tộc, tôn giáo.

C. Công dân có quyền và nghĩa vụ giống nhau tùy theo địa bàn sinh sống.

D. Công dân nào vi phạm pháp luật cũng bị xử lý theo quy định của đơn vị, tổ chức, đoàn thể mà họ tham gia.

Câu 39: Cơ quan áp dụng chế tài hình sự

A. Tòa án nhân dân. B. Ủy ban Nhân dân. C. Công an nhân dân D. Viện kiểm sát nhân dân.

Câu 40: Tòa án xét xử các vụ án sản xuất hàng giả không phụ thuộc vào người bị xét xử là ai, giữ chức vụ gì. Điều này thể hiện quyền bình đẳng nào của công dân?

A. Bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.

B. Bình đẳng về quyền lao động.

C. Bình đẳng về nghĩa vụ trong kinh doanh.

D. Bình đẳng về quyền tự chủ trong kinh doanh.